

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 9 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.
2. Bà Lâm Thị Ngọc Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Kương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09/3/2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Thị Mỹ H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 154 ấp A, xã H, L, Đ.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 376 ấp A, xã H, L, Đ.

(Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Châu Thị Mỹ H trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 2013, chị Châu Thị Mỹ H và anh Lê Văn H1 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T được ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2014 vào ngày 25/02/2014. Sau đám cưới vợ chồng sống

chung cùng gia đình chồng, vợ chồng sống chung đến năm 2014 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cuộc hôn nhân giữa chị H và anh H1 là do mai mối nên không tìm hiểu nhau trước nên khi về sống chung vợ chồng không hoà hợp mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 6 năm 2014, chị H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Khi vợ chồng sống xa nhau, hai bên gia đình cũng đã khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Nay nhận thấy cảm của vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1.

2. Về con chung: Quá trình sống chung có 01 người con chung tên Lê Văn Q, sinh ngày 02/6/2014 đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Lê Văn H1*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ anh Lê Văn H1 đến làm việc nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H ly hôn với anh H1. Về con chung: Giao con chung Lê Văn Q, sinh ngày 02/6/2014 đang sống chung với chị H cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Do không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Châu Thị Mỹ H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H1, yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, về tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải. Tuy nhiên phía bị đơn vắng mặt trong các phiên họp và hoà giải. Theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hoà giải được.

Bị đơn anh Lê Văn H1 cũng đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

2.1 Về hôn nhân: Chị Châu Thị Mỹ H và anh Lê Văn H1 tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/02/2014 trên cơ sở tự nguyện đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo như chị H trình bày do hôn nhân giữa chị H và anh H1 là do mai mối, không có thời gian tìm hiểu nhau trước nên khi về sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không thể dung hoà được và từ tháng 6/2014 chị H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống xa nhau hai bên gia đình có khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng không được nên chị H nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh H1. Bị đơn anh Lê Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Tòa án để trực tiếp trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai anh H1 cũng không đến tòa án để tham gia phiên tòa. Điều đó thể hiện anh H1 không mong muốn Tòa án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này ra sao thì ra.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Thị Mỹ H. Cho chị Châu Thị Mỹ H được ly hôn với anh Lê Văn H1.

2.2 Về con chung: Theo chị H trình bày, quá trình sống chung chị H và anh H1 01 con chung tên Lê Văn Q, sinh ngày 02/6/2014 hiện đang sống chung với chị H. Tại phiên tòa hôm nay chị H khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 cũng không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Cháu Quý cũng có ý kiến muốn được sống chung với mẹ. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Lê Văn

Quý, sinh ngày 02/6/2014 cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Châu Thị Mỹ H không yêu cầu Toà án giải quyết, anh H1 cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Châu Thị Mỹ H phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu Thị Mỹ H. Cho chị Châu Thị Mỹ H được ly hôn với anh Lê Văn H1.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Văn Q, sinh ngày 02/6/2014 cho chị Châu Thị Mỹ H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Lê Văn H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Châu Thị Mỹ H cùng các thành viên gia đình không được cản trở và anh Lê Văn H1 không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị H.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Châu Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai số 0008624 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Châu Thị Mỹ H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Anh Lê Văn

H1 được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội